

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2018/HS-ST

Ngày: 09-01-2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Tuyên

2. Bà Võ Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Tường H (Tên gọi khác: HPCT), sinh năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Đường P, phường TL, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T và bà Mai Thị T 1; có vợ là Nguyễn Thị D (Đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2017, có mặt.

- Người bị hại: Anh Đặng Trường N, sinh năm 1990, trú tại: đường G, Phường TT, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Võ Thị Mỹ A, sinh năm 1985, trú tại: thị trấn NT, huyện NT, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Chí H1; trú tại: Đường M, phường TT, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

2. Phan Tú Huy H2; trú tại: Đường Đ, phường ET, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3. Võ Văn P; trú tại: Đường ĐTH, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

4. Nguyễn Ngọc Q; trú tại: Đường P, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

5. Nguyễn Vũ Đức Q1, vắng mặt;

6. Nguyễn Vũ Đức D1, sinh năm 1985, vắng mặt;

Cùng trú tại: Đường B, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;

7. Lê Trọng H3; trú tại: Đường Đ1, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

8. Nguyễn Trung T2; trú tại: Phường TN, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
9. Đặng Nguyễn Phi T3, vắng mặt;
10. Đặng Nguyễn Trường S, vắng mặt;
Cùng trú tại: Xã CE, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;
11. Trần Minh K; trú tại: Đường ĐTT, phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
12. Trần Hoàng C; trú tại: xã CE, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
13. Đặng Trường G; trú tại: Hẻm Y, đường G, phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
14. Đặng Trường S1; trú tại: Hẻm Y, đường G, phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
15. Phan Phước Trung K; trú tại: Đường MHĐ, phường TTh, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
16. Đặng Minh T4; trú tại: Khối X, Phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
17. Bà Võ Thị M; trú tại: Khối X, Phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
18. Phạm Thị C1; trú tại: Đường G, phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
19. Huyền Tôn Nữ Thúy H4; trú tại: Khối X, Phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
20. Đặng Thị Xong X; trú tại: Hẻm Y, đường G, phường TTh, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
21. Đặng Xuân H5; trú tại: Khối X, Phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02/2014, bà Võ Thị M có vay của bà Phan Thị Quỳnh T5 3.000.000 đồng, để kinh doanh bán hàng bánh mì tại đường MHĐ, phường T Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó bà T5 đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M chưa trả, nên bà T5 giới thiệu cho bà M gặp Phan Tú Huy H2 để vay tiền trả nợ cho bà T5. H2 cho bà M mượn 5.200.000 đồng. Khi gặp H2 thì bà M và H2 đã thỏa thuận với nhau là H2 cho bà M mượn 5.200.000 đồng thì bà M phải trả cho H2 số tiền 6.000.000 đồng trong 01 tháng (trong đó, mỗi ngày bà M phải trả cho H2 200.000 đồng) thì bà M đồng ý, sau khi nhận tiền của H2 xong bà M vẫn trả tiền cho H2 hàng ngày đầy đủ. Tuy nhiên ngày 01/6/2014 đến ngày 05/6/2014 bà M không trả mà xin khất nợ số tiền trên, hứa sẽ trả cho H2 sau nhưng H2 không đồng ý và yêu cầu bà M phải trả số tiền còn lại như cam kết. Trong 01 ngày 06/6 và 07/6/2014 bà M tiếp tục trả thêm cho H2 400.000 đồng. Tổng số tiền mà bà M đã trả cho H2 là 1.400.000 đồng, số tiền còn lại bà M vẫn chưa trả cho H2.

Ngày 08/6/2014, H2 tiếp tục điện thoại đòi tiền nhưng bà M không nghe điện thoại. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H2 rủ Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Vũ Đức Q1, Võ Văn P cùng với bà T5 đến nhà bà M ở hẻm Y, đường G, phường T Th để đòi nợ. Khi đến nhà bà M thì nhóm của H2 không gặp được bà M mà gặp Đặng Trường N (là con trai của bà M) đang ngồi nhậu cùng với Đặng Trường S1 (chồng bà M), Đặng Trường G (em ông S1), Đặng Minh T4, Phan Phước Trung K, Đặng Xuân H5 và một số nam thanh niên (Chưa xác định được nhân thân lai lịch) đang ngồi nhậu ở trước sân nhà bà M. Tại đây, giữa nhóm của H2 và nhóm của N có xảy ra mâu thuẫn thách thức đánh nhau, sau đó thì nhóm của H2 bỏ đi

về. Khi ra đến ngã tư đường G với đường MHĐ, phường T Th thì gặp Lê Trọng H3, Nguyễn Chí H1, Trần Hoàng C. Do bức tức việc đến nhà bà M đòi nợ không được mà bị nhóm của N thách thức đánh nhau, nên H2 đã kể lại chuyện đi lấy nợ không được mà còn bị gây sự, nghe xong tất cả đi về nhà của Võ Văn P ở đường ĐTH, phường TA, Tp B để lấy hung khí đi đánh nhóm của anh N.

Tại đây, P vào nhà đem ra 01 bao dao rựa khoảng 10 cái, còn Trần Hoàng C và 01 thanh niên (Chưa xác định được nhân thân, lai lịch) ra ngoài lấy vào 02 khẩu súng (Loại súng trường thể thao) rồi C bắn thử 02 phát súng nổ, rồi C dùng chăn bông hoa cuộn hai khẩu súng lại. Sau đó, tất cả mọi người có mặt tại nhà P chờ nhau mang hung khí chạy xuống khu vực nghĩa địa Công giáo, đường Y, phường TT để tập trung thêm người và chuẩn bị đánh nhau. Trên đường đi, Q1 gọi cho anh ruột là Nguyễn Vũ Đức D1 đến giúp, thì D1 rủ thêm Nguyễn Trung T2, Lê Tường H, Đặng Nguyễn Phi T3, Đặng Nguyễn Trường S, Trần Minh K và nói đi cùng do em D1 bị đánh, thì tất cả đồng ý. Khi đến khu vực nghĩa địa Công giáo đường Y, thì tất cả (Khoảng 15 đến 20 người) có một người trong nhóm ôm bao dao có khoảng 10 cây dao rựa ra để đồng bọn lấy đi đánh nhau (không xác định được người đã phân phát dao, rựa), D1 đến lấy 01 cây dao rựa, số dao rựa còn lại mỗi người tự đến lấy. Riêng hai khẩu súng vẫn được cuộn trong chiếc chăn mang theo mình, sau đó tất cả lên xe máy chờ nhau đi về hướng Hẻm Y, đường G để đánh nhóm của anh N. Khi đi H1 điều khiển xe mô tô 47B1-481.64 chở C ngồi sau (*C ôm hai khẩu súng trường thể thao cuộn trong chiếc chăn*), D1 điều khiển xe mô tô 47B1-28386 chở Trần Minh K, T3 chở S đi xe mô tô biển kiểm soát 47B4-3475, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sport (Không xác định được biển số xe), Nguyễn Vũ Đức Q1 điều khiển xe mô tô 47M2-3388 chở H3, H2 điều khiển xe mô tô 47B1-64401 chở Nguyễn Ngọc Q, P điều khiển xe mô tô 59N1-65577 và đi cùng một số thanh niên xe chở 2, chở 3 người (Chưa xác định được nhân thân, lai lịch và phương tiện điều khiển).

Khi đến Hẻm Y, đường G thì tất cả dừng xe, trong đó Nguyễn Ngọc Q cầm gậy, H2, D1, P cầm dao rựa, C ôm cái chăn (cuộn súng ở trong), Nguyễn Vũ Đức Q1, H1 và một số thanh niên (Chưa xác định nhân thân, lai lịch) cùng đi vào hẻm nhà bà M để đánh nhóm của N, số còn lại đứng ở ngoài trông xe đợi đồng bọn đánh xong thì chờ chạy thoát. Khi nhóm H2 đi vào trong đường hẻm thì gặp nhóm của N cầm gạch, đá ném đuổi đánh lại nhóm của H2 thì nhóm của H2 bỏ chạy ra ngoài, nhóm của H2 vừa chạy thụt lùi, H2, H, Nguyễn Vũ Đức Q1, H1 và đồng bọn nhặt gạch, đá ném lại nhóm của N, do bị nhóm của anh N đuổi đánh quyết liệt thì Trần Hoàng C và 01 thanh niên (Chưa rõ lai lịch) vừa chạy thụt lùi vừa dùng súng thể thao bắn lại nhóm của anh N, khi đến trước số nhà C đường G, thành phố B thì anh N bị bắn trúng 02 phát vào tay phải, chân trái làm anh N bị thương nên được mọi người đưa vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk cấp cứu điều trị, còn nhóm của H1 sau khi bị đuổi đánh thì lên xe đồng bọn đã đợi sẵn bỏ chạy.

Tại Bản kết luận pháp y số: 569, ngày 09/6/2014 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Đặng Trường N, bị đa thương, gãy nát xương trụ phải và gãy xương mác trái, tổn hại 18% sức khỏe.

Tại bản kết luận giám định số: 1416, ngày 17/6/2014 của Phân viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát tại Thành phố H, kết luận: Khẩu súng do Nguyễn Ngọc Q giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, là súng trường thể thao hiệu TOZ8, cỡ nòng 5,6mm; số hiệu 18474, do Nga (Liên xô cũ) sản xuất. Súng sử dụng để bắn với loại đạn tiêu chuẩn cỡ 5,6mm x 15,6mm. Hiện tại các bộ phận của súng còn đầy đủ, lắp ráp đúng vị trí và hoạt động bình thường. Tiến hành bắn thực nghiệm khẩu súng nêu trên với loại đạn tiêu chuẩn cỡ 5,6mm x 15,6mm, kết quả đạn nổ.

Tầm bắn hiệu quả của khẩu súng gửi giám định khoảng 200m. Sử dụng khẩu súng trên bắn được đạn nổ vào cơ thể người có khả năng gây chết hoặc bị thương.

Một mảnh kim loại (di vật) thu giữ trong người bị hại Đặng Trường N gửi giám định là đầu đạn đã bắn của loại đạn tiêu chuẩn 5,6mm x 15,6mm (đạn thể thao quốc phòng) và cùng loại với đầu đạn của viên đạn chưa bắn gửi giám định.

Sau khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Chí H1, Phan Tú Huy H2, Nguyễn Ngọc Q, Võ Văn P, Nguyễn Vũ Đức Q1, Lê Trọng H3, Nguyễn Vũ Đức D1, Nguyễn Trung T2, Đặng Nguyễn Phi T3, Đặng Nguyễn Trường S, Trần Minh K và Trần Hoàng C đã bị bắt và xử lý theo quy định của pháp luật. Riêng Lê Tường H đã bỏ trốn, đến ngày 02/10/2017 thì bị bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số: 59/KSĐT– HS, ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố: Bị cáo Lê Tường H về tội: “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tường H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Chiều ngày 08/6/2014, bị cáo đi chơi cùng Nguyễn Vũ Đức D1, T2, T3 và S, thì em của D1 bị đánh và gọi điện rủ D1 đi đánh nhau, D1 rủ bị cáo, Nguyễn Trung T2, T3, S và một người nữa bị cáo không biết tên cùng đi thì bị cáo đồng ý. T2 chở bị cáo đi đến hẻm Y, đường G thì dừng lại, bị cáo và một số người đứng ngoài trông xe chờ đồng bọn đánh nhau xong thì chờ đồng bọn về. Khi hai bên đánh nhau thì đồng bọn của bị cáo đã dùng súng bắn gây thương tích cho anh N, với tỷ lệ thương tích là 18%. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo sợ nên đã bỏ trốn đi làm ăn và bị bắt theo lệnh truy lã của Công an.

Lời khai của người bị hại phù hợp với lời khai của bị cáo và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Người bị hại xác nhận đã nhận của gia đình bị cáo 1.000.000 đồng tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Mỹ A trình bày: Do có sự tác động của bị cáo, nên chị A đã đại diện cho gia đình bị cáo bồi thường cho anh N 1.000.000 đồng. Nay chị không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết số tiền chị đã bồi thường cho anh N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Tường H về tội: “Cố ý gây thương tích”, theo cáo trạng số: 59/KSĐT– HS, ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Lê Tường H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 02/10/2017.

Các biện pháp tư pháp: Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án số 44/2016/HSST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án số 22/2016/HSPT ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, nên không đề cập xem xét.

Bị cáo Lê Tường H không tranh luận gì chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Tường H đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với chứng cứ đã được thu thập lưu tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Vào chiều tối ngày 08/6/2014, sau khi được D1 rủ đi đánh nhau, bị cáo H đã cùng đồng bọn đi đến hẻm Y, đường G, phường T Th, Tp. B để đánh nhau với nhóm Đặng Trường N. Trong lúc xô xát Trần Hoàng C đã dùng súng là hung khí nguy hiểm bắn 2 phát vào tay, chân của anh N gây thương tích cho anh N, với tỷ lệ thương tích được xác định là 18%. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 (điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Song do ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên bị cáo đã cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Tường H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Xét thấy hành vi của bị cáo H thực hiện trước 00 h 00 phút ngày 01/01/2018, mà sau ngày 01/01/2018 mới bị đưa ra xét xử. Hành vi của bị cáo đã phạm tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự

năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù. Vì vậy cần áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo.

Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...”

[2.1] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến sức khỏe của anh Đặng Trường N một cách trái pháp luật mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được rằng: Sức khỏe con người là vốn quý, được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị Pháp luật trừng trị. Song, do ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ giữa nhóm của Phan Tú Huy H2 với nhóm của anh Đặng Trường N nên khi được Nguyễn Vũ Đức D1 rủ đi đánh nhau, bị cáo không những không can ngăn mà còn đồng ý, tiếp nhận ý chí của đồng bọn, cùng đồng bọn tham gia đánh nhóm của anh N. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho việc điều tra và giải quyết vụ án. Để trừng trị người phạm tội, đồng thời phát huy tác dụng răn đe, phòng chống tội phạm nói chung, cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có điều kiện cải tạo, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[2.2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho anh N và được anh N chấp nhận. Tại phiên tòa anh N đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho anh N, bị cáo tham gia vụ án với vai trò thứ yếu, là người giúp sức để đồng bọn thực hiện tội phạm. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử cần xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét thấy bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[2.3] Xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt đối với bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và vai trò của bị cáo đối với vụ án, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo như đã phân tích đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp.

[3] Các biện pháp tư pháp:

[3.1] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù về trách nhiệm dân sự đã giải quyết về trách nhiệm dân sự tại bản án số 44/2016/HSST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án số 22/2016/HSPT ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Tuy nhiên, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, xâm phạm tới sức khỏe của người bị hại, nên bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại với số tiền là 1.000.000 đồng, việc bồi thường là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa chỉ A không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đối với số tiền 1.000.000 đồng chi đã bồi thường cho anh N, nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[3.2] Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/HSST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hình sự phúc thẩm số 22/HSPT ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Tường H phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Tường H phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Tường H (Tên gọi khác: H PCT) 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 02/10/2017).

[2] Các biện pháp tư pháp:

[2.1] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Đặng Trường N số tiền 1.000.000 đồng.

[2.2] Về xử lý vật chứng:

Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/HSST ngày 28/9/2016, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hình sự phúc thẩm số 22/HSPT ngày 27/12/2016, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bị cáo Lê Tường H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: - TAND cấp cao; - VKSND cấp cao; - VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản); - Sở tư pháp; - Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk; - Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk; - VPCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk; - Cơ quan T.H.A HS CA tỉnh Đắk Lắk; - Bị cáo; - Người tham gia tố tụng khác; - Lưu VT, hồ sơ vụ án;	TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA (Đã ký) Trần Thị Phụng
--	--